

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

PHƯƠNG TIỆN LIÊN KẾT CHỈ CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP

ĐẶNG THỊ THANH HOA* - TÀO QUÝ HỘI**

TÓM TẮT: Phương tiện liên kết đóng vai trò quan trọng trong việc nối kết và thể hiện chủ đề của văn bản. Khảo sát Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, trường từ vựng con người được sử dụng làm phương tiện liên kết chiếm tỉ lệ cao nhất, vừa dùng để kết nối các phần của tác phẩm vừa khắc họa tính cách, mối quan hệ nhân vật... Trong phương tiện liên kết là trường nghĩa con người, chúng tôi đã tiến hành phân chia phương tiện liên kết thành các nhóm: phương tiện liên kết chỉ giới tính, phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp, phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người, phương tiện liên kết chỉ hoạt động của con người, phương tiện liên kết chỉ đặc điểm, trạng thái của con người.

TỪ KHÓA: liên kết; phương tiện liên kết; trường từ vựng con người; truyện ngắn; Nguyễn Huy Thiệp.

NHẬN BÀI: 25/03/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/07/2025

1. Dẫn nhập

Liên kết, theo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, có nghĩa là: *kết lại với nhau từ nhiều thành phần hoặc tổ chức riêng lẻ* [Hoàng Phê, 2006, tr.568]. Trong ngôn ngữ liên kết chính là nối kết các yếu tố, các thành phần trong văn bản lại với nhau bằng các mối liên hệ, quan hệ, bao gồm liên kết nội dung và liên kết hình thức. Hai phương diện này gắn bó, hoà quyện trong một chỉnh thể thống nhất là văn bản. Về vấn đề này, Trần Ngọc Thêm khẳng định: *Một văn bản khác với một chuỗi câu hỗn độn chính là văn bản nhất thiết phải có đủ liên kết hình thức lẫn liên kết nội dung. Giữa hai mặt liên kết hình thức và liên kết nội dung có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau: liên kết nội dung được thể hiện bằng một hệ thống các phương thức liên kết hình thức và liên kết hình thức chủ yếu dùng để diễn đạt sự liên kết nội dung*. [Trần Ngọc Thêm, 1999, tr.20]. Còn theo Diệp Quang Ban, *liên kết, xét tổng thể, là một tập hợp các hệ thống ngữ pháp - từ vựng phát triển một cách chuyên biệt thành một nguồn lực có thể vượt qua các biên giới của câu, giúp cho các câu trở thành một chỉnh thể. Liên kết, xét cụ thể, là kiểu quan hệ nghĩa giữa hai yếu tố ngôn ngữ nằm trong hai câu (hai mệnh đề) theo cách giải thích nghĩa cho nhau. Nói rõ hơn, liên kết là kiểu quan hệ nghĩa giữa hai yếu tố ngôn ngữ nằm trong hai câu mà muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của các yếu tố kia, và trên cơ sở đó hai câu (mệnh đề) chứa chúng liên kết được với nhau* [Diệp Quang Ban, 2009, tr.347]. Như vậy, liên kết trong văn bản là liên kết giữa các câu, giữa các đoạn văn, giữa các bộ phận trong một văn bản, liên kết giữa các phần thuộc cấu trúc trọn vẹn của văn bản, liên kết giữa phần đề và phần thuyết (trong câu, trong đoạn văn, trong các bộ phận của văn bản và trong văn bản) để tạo thành văn bản.

Liên kết trong văn bản được thể hiện qua phương tiện liên kết, phép liên kết. Phương tiện liên kết trong câu là *một hệ thống các dấu hiệu xác nhận sự liên kết các câu trong văn bản* [Nguyễn Trọng Bái, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm, 1985, tr.22]. Phương tiện liên kết trong đoạn là *một hệ thống các dấu hiệu xác nhận sự liên kết các đoạn văn trong văn bản* [Đỗ Hữu Châu, 1997, tr.66]. Còn Nguyễn Thị Ly Kha cho rằng *phương tiện liên kết là yếu tố vật chất, cái công cụ để thực hiện liên kết. Cái công cụ liên kết đó chính là các yếu tố ngôn ngữ* [Nguyễn Thị Ly Kha, 2008, tr.170]. Theo Diệp Quang Ban, *phương tiện liên kết là các yếu tố hình thức của ngôn ngữ tham gia vào việc tạo ra sự nối kết câu với câu (phát ngôn với phát ngôn). Các phương tiện này là hệ thống con trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ* [Diệp Quang Ban, 2005, tr.349]. Cho nên liên kết là một bộ phận trong hệ thống của một ngôn ngữ xác định. Chẳng hạn các từ như *đó, đây, đây, thế, vậy...* làm thành một hệ thống con do chúng cùng có chức năng thay thế; vì, *nếu, tuy, để...* là hệ thống con các quan hệ từ; các từ đồng nghĩa, trái nghĩa cũng là những hệ thống con trong từ vựng của một ngôn ngữ.

*Trường Đại học Quy Nhơn; Email: dangthithanhhoa@qnu.edu.vn

**Trường THPT Hoàng Hoa Thám, Diên Khánh, Khánh Hòa; Email: taoquyhoi@gmail.com

Trong văn bản, sự có mặt của các phương tiện liên kết đóng vai trò như một sợi chỉ xuyên chuỗi các yếu tố ngôn ngữ với nhau để tạo nên một văn bản thống nhất về nội dung lẫn hình thức.

Trên hành trình đổi mới văn học Việt Nam sau 1975, Nguyễn Huy Thiệp chính là một “hiện tượng” tiêu biểu. Những truyện ngắn của ông được tổ chức, liên kết chặt chẽ về hình thức ngôn ngữ để thể hiện chủ đề, nội dung tác phẩm tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn cũng như mở ra nhiều chiêm nghiệm, triết lí của tác giả được gửi gắm trong tác phẩm.

Phương tiện liên kết là những từ ngữ chỉ con người (trường nghĩa con người) đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng mạch truyện và thể hiện chiều sâu tâm lí của nhân vật. Trong văn học, chúng giúp tạo nên sự mạch lạc và logic của câu chuyện. Riêng trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, chúng được sử dụng không chỉ để kết nối các phần của văn bản mà còn để khắc họa sâu sắc các mối quan hệ, tâm lý, và xung đột giữa các nhân vật tạo nên sự đa chiều trong tính cách và mối quan hệ ấy.

2. Nội dung

Trong *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* (30 truyện ngắn), phương tiện liên kết chỉ trường nghĩa con người chiếm tần số và số lượng cao nhất vì con người là trung tâm của đối tượng phản ánh trong văn học. Trong phương tiện liên kết chỉ trường nghĩa con người, chúng tôi đã tiến hành phân chia phương tiện liên kết thành các nhóm, cụ thể như sau: phương tiện liên kết chỉ giới tính, phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp, phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người, phương tiện liên kết chỉ hoạt động của con người và phương tiện liên kết chỉ đặc điểm, trạng thái của con người.

Bảng 1. Bảng thống kê các phương tiện liên kết là trường nghĩa con người trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp

Giới tính	Nghề nghiệp	Bộ phận cơ thể	Hoạt động của con người	Đặc điểm, trạng thái
602 (58,3%)	98 (9,4%)	35 (3,3%)	265 (25,6%)	36 (3,4%)
Tổng: 1.036 (100%)				

Nhận xét:

Nhóm phương tiện liên kết chỉ giới tính chiếm số lượng lớn nhất 58,3% với 602 trường hợp, nhóm phương tiện liên kết chỉ hoạt động con người đứng vị trí thứ hai với 25,6%, nhóm phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp chiếm 9,4% đứng vị trí thứ 3, tiếp theo là nhóm phương tiện liên kết chỉ đặc điểm trạng thái với 3,4% và nhóm phương tiện liên kết chỉ bộ phận con người có tỉ lệ thấp nhất với 3,3%.

2.1. Nhóm phương tiện liên kết chỉ giới tính

Phương tiện liên kết chỉ giới tính con người không chỉ là những yếu tố ngôn ngữ giúp xác định và duy trì thông tin về giới tính của nhân vật mà còn giúp xây dựng mối quan hệ tương tác của nhân vật trong tác phẩm.

(1) *Chiếc xe được nâng lên, đẩy vào khoang dò, nơi có hai mẹ con ngoài thành phố về thăm quê.* (2) *Người mẹ ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, dài các.* (3) *Đứa con trai chín tuổi trông rất kháu khỉnh.* (“Sang sông”)

Phương tiện liên kết là “hai mẹ con” ở câu (1) với câu (2) là “người mẹ” và câu (3) là “đứa con trai”; trong đó phương tiện liên kết chỉ giới tính là “người mẹ” (giới tính nữ) và “đứa con trai” (giới tính nam). Nhà văn đã dựa vào mối quan hệ gia đình, giới tính để gọi tên và phân biệt nhân vật. Hai mẹ con nhân vật là những vị khách vắng lai tham gia vào chuyến dò sang sông nên tác giả để họ xuất hiện trong tác phẩm không tên không tuổi, không cụ thể về hoàn cảnh gia đình. Họ là những mảnh ghép để nhà văn gửi gắm thông điệp vào tác phẩm.

(1) *Thằng bé ngồi ở trên giường, dựa lưng vào cái chần bông.* (2) *Nó trạc sáu tuổi.* (3) *Trên nét mặt nó chưa có dấu vết của lòng căm thù hay sự đau đớn, điều ấy phải sau nữa mới có.* (“Đời thế mà vui”)

Còn trong trường hợp này, phương tiện liên kết của phép thế đại từ trong ví dụ trên là “thằng bé” ở câu (1) và “nó” ở câu (2); từ “nó” được lặp lại ở câu (2) và câu (3). “Thằng bé” là phương tiện liên kết chỉ giới tính nam, là đứa trẻ “trạc sáu tuổi”. Tác giả không gọi nhân vật bằng tên cụ thể mà là

“*thằng bé*”, nhân vật đại diện cho những đứa trẻ có hoàn cảnh bất hạnh, sống trong gia đình nghèo khổ, thiếu thốn tình yêu thương, sự quan tâm của người thân.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đội chiếc mũ cát trắng rộng vành, chiếc mũ đã cũ ngả màu cháo lòng. Hắn không có đồ đạc gì cả ngoài một chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy đã cũ, sơn đỏ trên có vẽ hình một cô gái mặc váy đang múa balê. Hắn cắp chiếc hộp ở nách như ông thầy bói vẫn cắp tráp sơn. (“Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt”).

Trong ví dụ trên, “*hắn*” là phương tiện liên kết dùng để nối kết các câu trong đoạn, các đoạn. Mở đầu câu chuyện, một nhân vật bí ẩn được tác giả gọi là “*hắn*” từ trên chiếc xe ô tô chở khách đi từ thị xã về bên đò bước xuống, xuất hiện ở bên đò Vân. Qua cách gọi “*hắn*”, người đọc biết được đây là một người đàn ông nhưng nhà văn lại cố tình không đề cập đến lai lịch, tên tuổi với dụng ý nghệ thuật.

Ngoài ra, trong truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp còn dùng nhiều cách gọi khác để chỉ về giới tính như: để chỉ giới tính nữ có các từ ngữ như “*vợ*”, “*cô gái*”, “*cô*”, “*bà*”, “*bà chủ quán*”, “*phu nhân*”, “*thiếu phụ*”, “*nàng*”... và để giới tính nam có các từ ngữ như: “*lão bộc*”, “*cậu con trai*”, “*ông*”, “*lão*”, “*chàng thanh niên*”, “*chàng*”, “*chàng trai*”, “*gã*”...

2.2. Phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp của con người

Phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp là những yếu tố ngôn ngữ giúp người đọc hiểu hơn về cuộc đời, số phận, các mối quan hệ của nhân vật trong truyện. Từ đó, bộc lộ tính cách, phẩm chất của nhân vật.

Nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp làm nhiều nghề khác nhau: lái đò, nông dân, ăn mày, thợ xẻ gỗ, lái xe, thi sĩ, bác sĩ, giáo viên, nhà văn, phóng viên, buôn bán, thợ săn,... với những cách gọi: *ông giáo, tên buôn đồ cổ, tên cướp, chị lái đò, thi sĩ, lão thợ săn, cô phóng viên, bà chủ quán*,... Thông qua các từ ngữ chỉ nghề nghiệp được sử dụng làm phương tiện liên kết trong tác phẩm, tác giả phác họa số phận cuộc đời, tính cách của nhân vật.

(1) *Chị lái đò giấu nụ cười thâm.* (2) *Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hắn trong đêm...* (“*Sang sông*”)

Phương tiện liên kết của phép thế đại từ trong ví dụ trên là “*chị*” và “*chị lái đò*”, trong đó yếu tố liên kết “*chị lái đò*” đã chỉ nghề nghiệp của người phụ nữ: nghề lái đò. Trong chuyến đò sang sông lần này, “*chị lái đò*” đã chứng kiến nhiều sự việc xảy ra trên đò. Trước lời tán thưởng của ông giáo về hành động nghĩa hiệp của tên cướp, chị lại có suy nghĩ khác “*vô phúc cho ai một mình gặp hắn trong đêm*”. Đó là bởi với công việc của mình, chị tiếp xúc với nhiều người nên đây cũng là nguyên nhân chị cũng có cái nhìn, đánh giá không giống với ông giáo.

(1) *Tất cả những nghi lễ và dự định cho lớp tập huấn giáo dục bỗng vụt đi hết vì lí do bất ngờ, những quy định ứng xử giữa ông giáo Chị và đám trẻ bỗng xoay ra hướng khác hẳn.* (2) *Ông giáo Chị được các cô con gái thân mật gọi là “bố” mặc dầu ông nửa đùa nửa thật nói rằng mình thích được coi là “bạn thân” hoặc “anh giai” hơn. (“*Sống dễ lắm*”).*

Trong ví dụ trên, phương tiện liên kết là “*ông giáo Chị*” được lặp lại giữa hai câu. Ở đây “*ông giáo Chị*” là cụm danh từ định danh nhân vật chính đồng thời cũng chỉ rõ nghề nghiệp của ông Chi, một người làm nghề dạy học. “*Ông giáo*” còn chỉ vị trí xã hội cũng như mối quan hệ giữa ông với người học “*các cô gái*”, “*đám trẻ*”, những giáo sinh vùng cao, nơi ông đến tập huấn giáo dục.

(1) *Giờ này quán ăn vắng khách, chẳng có ma nào. Bà chủ quán đang ngồi ngủ gà ngủ gật ở trên một chiếc ghế gỗ đặt nơi góc nhà. Hắn đang hăng. Bà chủ quán giật mình tỉnh dậy, tươi cười chạy ra đón khách. (“Hạc vừa bay vừa kêu thẳng thốt”).*

Phương tiện liên kết “*bà chủ quán*” trong ví dụ trên chỉ nghề nghiệp của nhân vật, đồng thời cũng là cách định danh nhân vật. Những nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp thường không được định danh bằng tên riêng mà gọi theo nghề nghiệp của nhân vật. Ví dụ trên là một trường hợp như thế.

(1) *Lão thợ săn như là hiện thân thân Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão.*

Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. (“Những ngọn gió Hua Tát”).

Phương tiện liên kết chỉ nghề nghiệp trong ví dụ trên là “lão thợ săn”, xuất hiện trong câu đầu tiên. Các câu còn lại nối kết với câu đầu tiên bằng phép thế đại từ ở phương tiện liên kết “lão” thay thế cho “lão thợ săn”. Xuất hiện ở bản Hua Tát, “lão thợ săn” - cách gọi nhân vật thông qua nghề nghiệp - trở thành nỗi kinh hoàng, “sợ hãi” của các loài động vật nơi vùng rừng núi này. Đây cũng là một vấn đề mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đề cập trong các tác phẩm của mình: mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Ví dụ:

(1) Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vải. (2) Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. (3) Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bán, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. (“Truyện tình kể trong đêm mưa”).

Tác giả đã sử dụng phép liên kết ở các từ ngữ: “lính biên phòng” (câu 3), “đồn biên phòng” (câu 1). Trong đó, phương tiện liên kết “lính biên phòng” chỉ nghề nghiệp. Đây là những người lính canh gác, bảo vệ an ninh quốc gia ở biên giới “giữ gìn trật tự an ninh” ở đất Mường Vải, ngăn chặn “việc buôn bán thuốc phiện”, giúp cải thiện và nâng cao đời sống của người dân nơi đây “giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ”.

2.3. Phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người

Trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, các phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người giúp thể hiện thông tin rõ hơn về nhân vật: diện mạo, diễn biến nội tâm, hành động...

(1) Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên Pù. (2) Sắc đẹp của nàng khắp các mường không ai bì kịp, da trắng như trứng gà bóc, tóc mượt và dài, môi như son đỏ. (3) Chỉ khổ một nỗi là Pù bị liệt hai chân, suốt năm suốt tháng nằm một chỗ. (“Những ngọn gió Hua Tát”).

Phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người trong ví dụ trên là “da”, “tóc”, “môi” ở câu (2) liên kết với “Pù” ở câu (1). Các phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể của nhân vật Pù không chỉ mô tả cụ thể vẻ đẹp của nàng “da trắng như trứng gà bóc, tóc mượt và dài, môi như son đỏ” mà còn giúp nối kết các câu, tập trung làm rõ thông tin về nhân vật của truyện.

(1) Nó quay lại nhìn tôi, lè lưỡi ra, rất tinh nghịch. (2) Tôi bơi chặn đầu, con bé té nước vào mặt tôi. (3) Tôi lặn xuống nước, ước lượng khoảng cách để tóm chân nó”. (“Con gái thủy thần”).

Trường hợp trên có sử dụng các phương tiện để liên kết: “mặt” ở câu (2) liên kết với “tôi” ở câu (1) và “đầu” ở câu (2), liên kết với “nó” ở câu (1), “chân” ở câu (3) liên kết với “con bé” ở câu (2), với “nó” ở câu (1). Những phương tiện liên kết “mặt”, “đầu”, “chân” mang ý nghĩa chỉ bộ phận cơ thể của nhân vật “nó” và của nhân vật “tôi”. Qua đó, nhà văn đã khắc họa tính cách của nhân vật “nó”, một cô bé tinh nghịch, có khả năng bơi lội xuất sắc, được người dân gọi là “con gái thủy thần”.

(1) Hà Thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. (2) Hiếm có người xinh đẹp như E. (3) Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú. (“Những ngọn gió Hua Tát”).

Trong ví dụ trên, từ ngữ “lưng”, “mắt” ở câu (3) là những phương tiện liên kết chỉ bộ phận của nhân vật Hà Thị E, liên kết với “E” ở câu (2). Đồng thời tác giả còn sử dụng các phương tiện liên kết là các từ ngữ “lưng như lưng kiến vàng”, “long lanh như sao Khun Lú” ở câu (3) liên kết với “xinh đẹp” ở câu (2). Tất cả các phương tiện liên kết đã góp phần khắc họa vẻ đẹp “hiếm có” của nhân vật Hà Thị E.

Như vậy, qua những phương tiện liên kết chỉ bộ phận cơ thể người, nhà văn khắc họa cụ thể, đậm nét ngoại hình, tâm trạng, tính cách của nhân vật.

2.4. Phương tiện liên kết chỉ hoạt động con người

Bên cạnh các phương tiện liên kết vừa phân tích ở trên, phương tiện liên kết chỉ hoạt động con người cũng giúp nhà văn Nguyễn Huy Thiệp phát huy tài năng xây dựng nhân vật sinh động góp phần khắc họa tính cách nhân vật, phản ánh các xung đột nội tâm, mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện ngắn.

(1) Đẻ Thám sut sùi như một người thường: một anh bán bánh đa mật ở chợ Ké, một viên công chức quyền, một chàng thợ bạc vùng về, một ông giáo nghèo... (2) Ông khóc như một người nhu

nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bốn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. (3) Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa. (“Mưa Nhã Nam”).

Tác giả đã sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động của con người “sút sùi” - “khóc” - “khóc” để liên kết các câu trong đoạn văn trên. Bằng phép thế từ đồng nghĩa “sút sùi” - “khóc” và phép lặp từ vựng “khóc” - “khóc”, Nguyễn Huy Thiệp đã tập trung khắc họa nhân vật Đề Thám qua hành động “sút sùi”, “khóc” thể hiện sự bất lực, đau khổ, yếu đuối của nhân vật. Đến đây bị kích bên trong của nhân vật dần lộ ra: một người nhu nhược nhưng khoáng vẽ ngoài của một anh hùng. Hành động “khóc” của Đề Thám là sự đau đớn tột cùng của nhân vật khi phải đề Xoan về làm dâu ông đồ Hoạt như đã hứa.

(1) Lão Hạ cuống cuống chạy xuống vệ sông. (2) Lão vừa chạy vừa ngã. (“Cún”)

Từ ngữ chỉ hành động “chạy” của ông Hạ trong ví dụ trên có vai trò nối kết hai câu bằng phép lặp từ vựng. “Chạy” là từ ngữ liên kết chỉ hành động di chuyển rất nhanh, vội vàng, gấp gáp của nhân vật. Hành động ấy còn hàm chứa cả tâm trạng lo lắng, bất an, sợ hãi bao trùm. Đó là vào lúc buổi chiều tà đang buông xuống, nghe tiếng khóc của đứa trẻ, lão Hạ quá sợ hãi vì nghĩ đó là ma quỷ nên lão chạy trốn chết. Hành động “chạy” đã bộc lộ tất cả tâm trạng lúc bấy giờ của lão.

(1) Âm Huy bỗng trào nước mắt. (2) Chàng khóc hu hu. (“Chút thoáng Xuân Hương”)

Phương tiện liên kết chỉ hành động của nhân vật trong ví dụ trên là “khóc hu hu” ở câu (2) miêu tả cho hành động “trào nước mắt” của Âm Huy ở câu (1). Đây là hành động bất ngờ của Âm Huy trước cái chết của ông phủ Vĩnh Tường dù trước đó Âm Huy không mấy quan tâm cho thấy sự phức tạp trong cảm xúc của nhân vật lúc này: đau đớn, thương tiếc cho sự ra đi của ông phủ Vĩnh Tường; xót xa cho thân phận của Xuân Hương hiện tại và sắp tới. Nàng sẽ bắt đầu chặng đường đời cay đắng. Và chính lúc này “chuẩn bị đưa quan tài ông phủ Vĩnh Tường ra đồng” chôn, nhân vật Âm Huy bỗng nhận ra trách nhiệm của bản thân đối với người anh của mình.

Thông qua các phương tiện chỉ hoạt động của con người, các nhân vật trong truyện ngắn được miêu tả chi tiết, sinh động. Mỗi lần nhân vật xuất hiện là mỗi lần có một hành động khác nhau. Bởi vậy chủ đề của truyện được duy trì và được phát triển không ngừng.

2.5. Phương tiện liên kết chỉ đặc điểm, trạng thái của con người

Phương tiện liên kết chỉ đặc điểm và trạng thái của con người là kiểu ngữ nghĩa giúp người đọc hiểu biết sâu sắc, cụ thể hơn thế giới nội tâm, đặc điểm ngoại hình, tính cách,... của các nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp.

(1) Bấy giờ tôi khá nông nổi, phù phiếm hiếu danh và rất ngông cuồng. (2) Tôi giống với nhiều “cậu ấm” thành phố thuộc các gia đình trung lưu vẫn sống nhàn nhàn ở các khu tập thể. (“Thỏ cầm”)

Trong trường hợp trên, phương tiện liên kết “khá nông nổi”, “phù phiếm hiếu danh và rất ngông cuồng” đã miêu tả đặc điểm đặc trưng của nhân vật “cậu ấm” thành phố thuộc các gia đình trung lưu. Nhân vật “tôi”, người kể chuyện, đã tự đánh giá về bản thân ở thời trai trẻ của mình. Chính hoàn cảnh xuất thân “cậu ấm” đã ảnh hưởng đến tính cách ở quãng đời ấy của nhân vật “tôi”: nông nổi, phù phiếm hiếu danh và rất ngông cuồng. Và đây có lẽ là nguyên nhân dẫn đến hành động sai lầm, nông nổi của nhân vật “tôi” đối với cô gái người Mường.

(1) Một dạo, đồng quân ở một vùng xa, Móng có làm quen và yêu một cô gái Chăm. (2) Cô gái tóc xoăn, da nâu, nông nản như lửa. (“Chuyện ông Móng”)

Tác giả đã sử dụng kiểu thế đồng nghĩa miêu tả để liên kết hai câu trên. Phương tiện liên kết ở đây là “tóc xoăn, da nâu, nông nản như lửa” miêu tả về đẹp đặc trưng về ngoại hình của “cô gái Chăm”. Chính vẻ đẹp đặc trưng ấy đã thu hút ông Móng và làm nảy nở mối tình giữa ông và cô gái Chăm.

(1) Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, K rất ng nghiêm khắc. (2) K đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tình người: tình thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ “tâm”... và dĩ nhiên cả văn phạm nữa. (3) Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của hai chúng tôi không phải là không sống gió. (“Cún”)

Nguyễn Huy Thiệp đã sử dụng phép lặp thể hiện ở phương tiện liên kết “*nghiêm khắc*” ở câu (1) với “*sự nghiêm khắc ấy*” ở câu (3) và phép thể đồng nghĩa thể hiện ở phương tiện liên kết “*nghiêm khắc*” ở câu (1) với “*đòi hỏi cao: tinh thần làm việc, đức hi sinh, lòng tận tụy, chữ “tâm”, văn phạm*” ở câu (2). Trong đó phương tiện liên kết “*đòi hỏi cao: tinh thần làm việc, đức hi sinh, lòng tận tụy, chữ “tâm”, văn phạm*” cụ thể hoá đặc điểm tính cách của nhân vật K, một nhân vật có thái độ làm việc nghiêm túc. Các phương tiện liên kết này giúp người đọc hình dung cụ thể tính cách của nhân vật K.

(1) Ông Diều buồn tê tái tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khi và thấy cay cay nơi sống mũi.
 (“Muối của rừng”)

Các phương tiện liên kết “*buồn tê tái*” - “*cay cay nơi sống mũi*” được dùng trong ví dụ trên là biểu hiện của kiểu liên tưởng nhân quả. Phương tiện liên kết ở đây có ý nghĩa chỉ trạng thái tâm lí của ông Diều “*buồn tê tái*” vì lúc này ông nhận thức lại về loài vật nói chung và loài khi nói riêng khi nhìn hai vợ chồng nhà khi: chúng có tình thương, có lòng chung thủy. Ông vỡ lẽ ra điều mà từ trước đến nay ông không hề nhận ra. Chính lúc này ông Diều “*thức tỉnh*” trước thiên nhiên nên ông “*cay cay nơi sống mũi*”.

(1) Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. (3) Cả đám đánh bạc, cả cha tôi nữa.
 (“Tướng về hưu”)

Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng phép lặp từ vựng ở câu (1) và (2) với phương tiện liên kết là “*cô đơn*” và phép tính lược mạnh: tính lược vị ngữ “*cũng cô đơn*” ở câu (3). Phương tiện liên kết ở ví dụ này có ý nghĩa chỉ trạng thái “*cô đơn*” của nhân vật “*tôi*” và nhân vật tôi nhận thấy đây là trạng thái phổ biến của tất cả mọi người: “*các con tôi*”, “*cha tôi*”, “*đám đánh bạc*”. Các nhân vật đang cô đơn, lạc loài ngay trong chính cuộc sống, gia đình, người thân của họ; trong hành trình đi tìm điều thiện, đi tìm cái đẹp của cuộc đời; trong bối cảnh không thể thích ứng được với cuộc sống kinh tế thị trường.... Và đây cũng là kiểu con người được nhà văn Nguyễn Huy Thiệp khai thác nhiều trong các sáng tác của ông.

3. Kết luận

Trong *Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp*, các phương tiện liên kết đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển mạch truyện, khắc hoạ nhân vật về ngoại hình, tính cách, nội tâm, hành động,... Những phương tiện này không chỉ kết nối các câu, đoạn văn, mà còn tạo ra các lớp nghĩa phong phú, thể hiện sự phức tạp và sâu sắc của nội dung câu chuyện. Khảo sát các phương tiện liên kết trong 30 truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, chúng tôi nhận thấy, các phương tiện liên kết là trường nghĩa con người chiếm tỉ lệ cao nhất chứng tỏ con người là nhân vật trung tâm, đối tượng phản trong các truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Con người xuất hiện trên nhiều phương diện, đầy đủ sắc thái về giới tính, ngoại hình, nghề nghiệp, các mối quan hệ, hành động, đặc điểm, trạng thái tâm lí, tình cảm,... Nhờ đó, nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp hiện lên chi tiết, sinh động, có đời sống tình cảm phức tạp, nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều suy tư, trăn trở. Mặt khác, sự đa dạng của các phương tiện liên kết trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp giúp duy trì, phát triển, mở rộng tác phẩm trên nhiều phương diện. Đồng thời có tác dụng nhấn mạnh, làm tăng hiệu quả diễn đạt, giúp truyền tải những thông điệp sâu sắc và tạo nên những trải nghiệm đọc phong phú cho người đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1999), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2002), *Giao tiếp; Văn bản; Mạch lạc; Đoạn văn*, Nxb KHXH - H, .
3. Diệp Quang Ban (2005), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt. Văn bản; Mạch lạc; Liên kết; Đoạn văn*, Nxb Giáo dục.
4. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm (1985), *Ngữ pháp văn bản và việc dạy Lâm văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Đỗ Hữu Châu (1973), “Khái niệm Trường và việc nghiên cứu hệ thống từ vựng”, Tạp chí

Ngôn ngữ, tr.45-53.

7. Đỗ Hữu Châu (Chủ biên), (1997), *Giáo trình ngữ pháp văn bản*, Nxb ĐHSP.
8. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Chí Hoà (2006), *Các phương tiện liên kết và tổ chức văn bản*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Ly Kha (2008), *Ngữ pháp văn bản và luyện tập làm văn*, Nxb Giáo dục.
11. Hoàng Phê (Chủ biên), (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
12. Trần Ngọc Thêm (1999), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
13. Nguyễn Thị Thu Thuý (2011), “Một số đặc điểm ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, tr.10.

NGŨ LIỆU

Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, NXB Phụ nữ, 2021.

Linking devices depicting humans in the short stories written by Nguyen Huy Thiep

Abstract: Linking devices hold significant importance in establishing connections and articulating the themes within a text. This investigation analyzes the short story authored by Nguyen Huy Thiep, identifying the lexical field pertaining to humanity as the predominant linking device. This device serves to unify the various sections of the work while also illustrating character traits and relational dynamics. Within the context of human-related linking devices, we systematically categorize these instruments into several distinct groups: devices indicative of gender, devices representing occupation, devices alluding to human anatomical features, devices depicting human activities, and devices describing human characteristics and states.

Key words: linking, linking devices, lexical field of humanity, short stories, Nguyen Huy Thiep.